

Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam¹

Nguyễn Đình Khuyên^(*)

Vũ Hùng Cường^(**)

Đào Ngọc Minh Nhung^(***)

Nguyễn Thị Thanh Hương^(****)

Tóm tắt: Phát triển bền vững đã và đang là mối quan tâm trên phạm vi toàn cầu. Theo dõi và giám sát việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững thông qua các chỉ tiêu thống kê sẽ giúp nhận biết được kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại cũng như những công việc còn dang dở cần phải tiếp tục thực hiện... Bài viết đề cập đến hệ thống các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam, so sánh hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam với các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành, hình thức thu thập và nguồn dữ liệu hiện có, trên cơ sở đó đưa ra khuyến nghị về xây dựng cơ sở dữ liệu chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.

Từ khóa: Phát triển bền vững, Chỉ tiêu thống kê, Chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững, Việt Nam

Abstract: Sustainable development has emerged as a global concern. Monitoring and evaluating the implementation of the Sustainable Development Goals using statistical indicators helps identify the achievements, limitations and shortcomings as well as unfinished tasks. The paper reviews Vietnam's set of statistical indicators for sustainable development, comparing this with other available systems including data collecting methods and sources, and thus, making suggestions regarding the construction of Vietnam's sustainable development statistical indicators database.

Keywords: Sustainable Development, Statistical Indicator, Sustainable Development Statistical Indicator, Vietnam

¹ Đây là sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước “Xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Mã số KH-CN-TNB.ĐT/14-19/X16), thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (Mã số KH-CN-TNB/14-19).

(*) ThS, Tổng cục Thống kê; Email: ndkhuyen@gso.gov.vn

(**) PGS.TS, Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: vuhungcuong07@gmail.com

(***) Tổng cục Thống kê; Email: dnmnhung@gso.gov.vn

(****) TS, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng; Email: thanhhuong.vass@gmail.com

Đặt vấn đề

Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs) bắt nguồn từ Chương trình nghị sự 21 về Phát triển bền vững và các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs). Năm 1992, tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển, còn được gọi là Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất Rio de Janeiro, được tổ chức tại Rio de Janeiro, từ ngày 03-14/6/1992, các nhà lãnh đạo trên thế giới tham dự đã lần đầu tiên cam kết thúc đẩy phát triển bền vững, nhất trí kế hoạch hành động Chương trình nghị sự 21, một số nguyên tắc chính và thông qua 5 văn kiện quan trọng. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ, diễn ra từ ngày 06-08/9/2000 tại trụ sở Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc ở New York, Mỹ, 189 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc đã ký Tuyên bố Thiên niên kỷ thể hiện cam kết hợp tác toàn cầu mới về xóa nghèo đói, phát triển và bảo vệ môi trường.

Ngày 25/9/2015, Chương trình nghị sự 2030 chính thức được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc tại New York, Mỹ với 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể. Chương trình nghị sự 2030 có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn, toàn diện, vì lợi ích của mọi người dân trên toàn thế giới, cho các thế hệ hôm nay và mai sau với mục tiêu hoàn tất công việc dang dở của MDGs và Chương trình nghị sự 21 không để ai bị bỏ lại phía sau.

Trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; căn cứ vào điều kiện thực tiễn, khả năng và ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển

bền vững (tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ) quy định “Xây dựng và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững, muộn nhất trong năm 2018, đảm bảo xây dựng được các chỉ tiêu đánh giá định lượng. Đến năm 2020, hoàn thành cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững”.

Nhằm cung cấp những “bằng chứng thực tiễn xác thực” cho quá trình theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện 17 mục tiêu chung, 115 mục tiêu cụ thể quy định tại Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, ngày 22/01/2019 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT quy định Bộ chỉ tiêu Thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (VSDGI) với 158 chỉ tiêu.

1. Số lượng các chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững của Việt Nam¹

- Những nhóm mục tiêu chung có nhiều chỉ tiêu phản ánh nhất là các nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề xã hội, kinh tế, kế thừa các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ (MDGs) như:

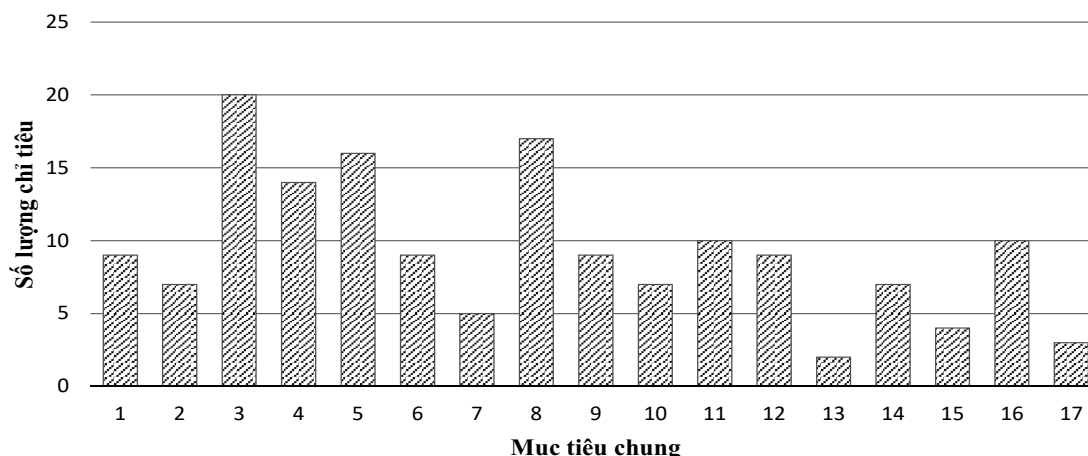
+ Mục tiêu 3: Bảo đảm sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc: 20 chỉ tiêu.

+ Mục tiêu 8: Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững: 17 chỉ tiêu.

+ Mục tiêu 5: Bình đẳng giới: 16 chỉ tiêu.

+ Mục tiêu 4: Giáo dục chất lượng: 14 chỉ tiêu,...

¹ Xem: Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam, <https://luatvietnam.vn/dau-tu/thong-tu-03-2019-tt-bkhd-t-bo-chi-tieu-thong-ke-phat-trien-ben-vung-cua-viet-nam-170555-d1.html>

Bảng 1: Số lượng chỉ tiêu

Đối với nhóm này, nhiều chỉ tiêu đã thu thập, tổng hợp được số liệu và nhiều chỉ tiêu được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Những nhóm mục tiêu có ít chỉ tiêu phản ánh nhất là các nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề về tài nguyên môi trường, bảo vệ khí hậu; hợp tác toàn cầu như:

+ Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu và thiên tai: 2 chỉ tiêu.

+ Mục tiêu 17: Thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững: 3 chỉ tiêu.

+ Mục tiêu 15: Bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; chống sa mạc hóa; ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất: 4 chỉ tiêu.

158 chỉ tiêu này đã phản ánh được các nhóm yếu tố trong xã hội, cụ thể:

- 55 chỉ tiêu liên quan đến trẻ em, gồm:

+ Những chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến trẻ em, quy định cụ thể đối tượng trẻ em trong tên chỉ tiêu: Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin,...

+ Những chỉ tiêu không quy định cụ thể đối tượng trẻ em trong tên chỉ tiêu, cũng

không có phân tổ nhóm tuổi; tuy nhiên trong nội dung chỉ tiêu quy định trực tiếp đến đối tượng trẻ em như: Số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng; Số người được hỗ trợ xã hội đột xuất;

+ Những chỉ tiêu có phân tổ theo nhóm tuổi trong đó có nhóm tuổi trẻ em.

- 70 chỉ tiêu liên quan đến giới, trong đó:

+ 54 chỉ tiêu có phân tổ theo giới tính.

+ 16 chỉ tiêu phản ánh trực tiếp đối tượng phụ nữ và trẻ em gái trong tên chỉ tiêu, như: Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi có nhu cầu tránh thai đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực bởi chồng hoặc bạn tình hiện tại hoặc trước đây trong 12 tháng qua; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện và tư vấn; Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội; Tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân,...

- 23 chỉ tiêu phân tổ theo dân tộc (Kinh/khác)

Phân tổ Dân tộc của Bộ chỉ tiêu chỉ quy định 02 nhóm dân tộc gồm “Kinh” và “Khác”. Mặc dù cần rất nhiều số liệu liên quan đến đối tượng dân tộc thiểu số, nhưng nguồn lực hiện tại và những nguồn số liệu được xác định để thu thập các chỉ tiêu này

không đủ tính đại diện, độ tin cậy để tính toán cho nhóm đối tượng này. Số liệu về các nhóm dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực được khai thác qua Tổng điều tra 53 dân tộc thiểu số do Tổng cục Thống kê thực hiện, tiến hành 5 năm một lần.

- *Nhiều chỉ tiêu liên quan đến người khuyết tật*

Tương tự như đối với dân tộc thiểu số, nhóm đối tượng người khuyết tật được coi là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, số liệu về người khuyết tật sẽ được khai thác qua điều tra người khuyết tật do Tổng cục Thống kê thực hiện 5 năm một lần. Bộ chỉ tiêu VSDGI đã quy định một số chỉ tiêu liên quan đến người khuyết tật như: Tỷ lệ các trường học có: (a) điện; (b) Internet dùng cho mục đích học tập; (c) máy tính dùng cho mục đích học tập; (d) cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật; (e) nước uống; (f) hệ thống vệ sinh tiện lợi và riêng rẽ cho từng giới tính và (g) chỗ rửa tay thuận tiện; và một số chỉ tiêu có phân tổ người khuyết tật như: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực tình dục bởi những

2. So sánh hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam với các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành

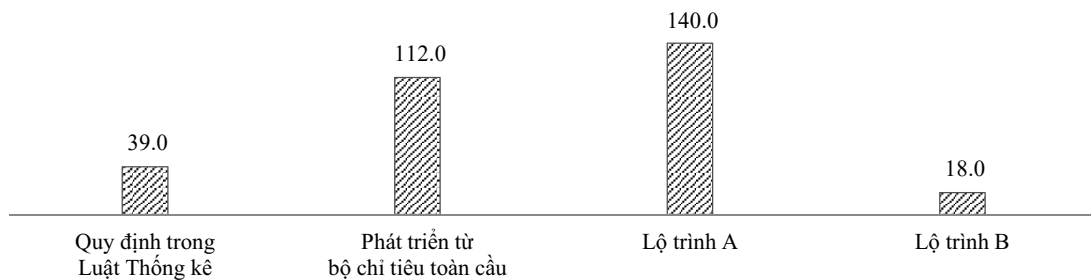
Kết quả rà soát nội dung của 158 chỉ tiêu phát triển bền vững cho thấy¹:

- 38 chỉ tiêu phát triển bền vững được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê năm 2015.

- 112 chỉ tiêu phát triển bền vững được phát triển trên 101 chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (*40 chỉ tiêu sử dụng nội dung toàn cầu; 72 chỉ tiêu dựa trên nội dung quốc tế nhưng có thay đổi khi áp dụng vào Việt Nam; một số chỉ tiêu toàn cầu khi áp dụng tại Việt Nam được tách ra thành nhiều chỉ tiêu nhỏ...*). Những chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu không quy định trong Bộ chỉ tiêu VSDGI tập trung vào các chỉ tiêu định tính, chỉ tiêu được biên soạn trên phạm vi toàn cầu và do các tổ chức quốc tế tính, các chỉ tiêu không phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam, các chỉ tiêu chỉ áp dụng ở các khu vực đặc thù,...

- 140 chỉ tiêu thống kê có lộ trình A (*thực hiện từ năm 2019*); 18 chỉ tiêu thống kê có lộ trình B (*thực hiện từ năm 2025*).

Bảng 2: So sánh với các hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành



người không phải chồng hoặc không phải bạn tình trong 12 tháng qua; Tỷ lệ dân số sống trong các nhà tạm; Tốc độ tăng số lượt hành khách sử dụng phương tiện giao thông công cộng,...

¹ Xem thêm: Phụ lục Danh mục các chỉ tiêu VSDGI thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Phụ lục Danh mục Các chỉ tiêu VSDGI so với các chỉ tiêu SDG toàn cầu.

3. Hình thức thu thập thông tin

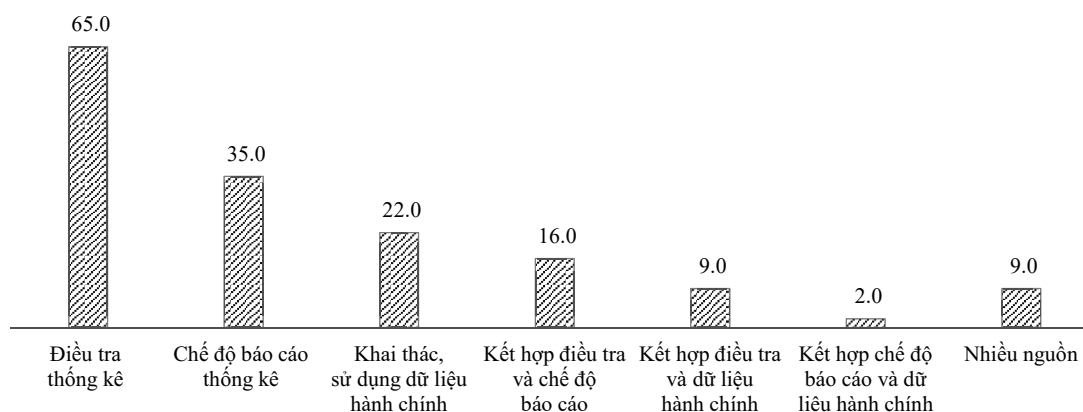
158 chỉ tiêu phát triển bền vững được thu thập thông qua các nguồn sau:

- 65 chỉ tiêu thu từ Điều tra thống kê, trong đó chủ yếu là thu từ các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, gồm: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra kinh tế; Điều tra lao động

- 09 chỉ tiêu thu từ nhiều nguồn (*liên quan đến chỉ tiêu GDP*).

Ngoài các nguồn thu nhập truyền thống kể trên, để thu được thông tin chỉ tiêu phát triển bền vững đầy đủ và hiệu quả cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, sử dụng các nguồn dữ liệu phi truyền thống như dữ liệu lớn, dữ liệu hành chính, dữ liệu viễn thám,...

Bảng 3: Hình thức thu thập thông tin



và việc làm; Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm; Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam,... Ngoài ra còn một số cuộc điều tra ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia được các tổ chức quốc tế hỗ trợ như: Khảo sát PAPI; Điều tra bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; Điều tra sử dụng thời gian,...

- 35 chỉ tiêu thu từ Chế độ báo cáo thống kê, bao gồm Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và Chế độ báo cáo thống kê của các bộ, ngành;

- 22 chỉ tiêu biên soạn thông qua việc khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính;

- 16 chỉ tiêu thu từ kết hợp 2 nguồn: Điều tra thống kê và Chế độ báo cáo thống kê;

- 09 chỉ tiêu thu từ kết hợp 2 nguồn: Điều tra thống kê và Dữ liệu hành chính;

- 02 chỉ tiêu thu từ kết hợp 2 nguồn: Chế độ báo cáo thống kê và Dữ liệu hành chính;

4. Sự sẵn có của số liệu

a) Số liệu của các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững được khai thác từ các nguồn sau:

- Báo cáo tình hình kinh tế xã hội hàng năm của Tổng cục Thống kê;

- Báo cáo Lao động phi chính thức năm 2016 của Tổng cục Thống kê;

- Ấn phẩm *Thông tin thống kê giới tại Việt Nam 2016* của Tổng cục Thống kê, năm 2018;

- Niên giám thống kê của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

- Niên giám thống kê ngành Y tế;

- Niên giám thống kê ngành Giáo dục;

- Công thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Báo cáo kết quả điều tra Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS);

- Ấn phẩm: *Nghèo đa chiều của trẻ em Việt Nam vùng dân tộc thiểu số: Thực trạng,*

biến động và những thách thức do Ủy ban Dân tộc và UNICEF phát hành, năm 2015.

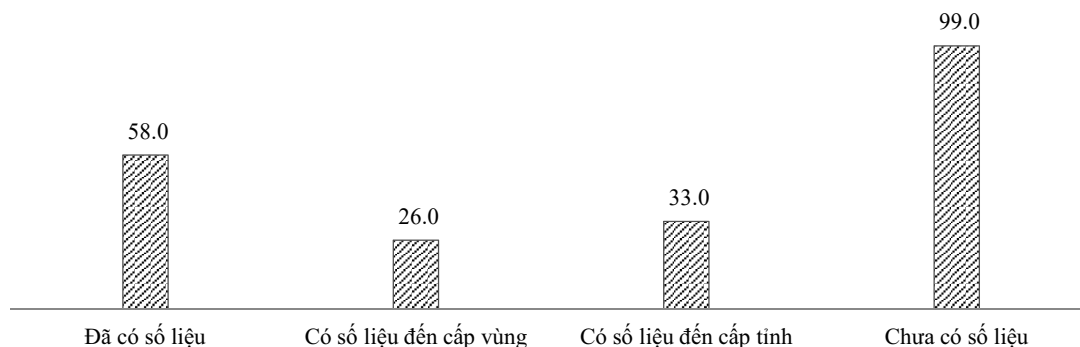
b) Số liệu hiện có

Kết quả rà soát số liệu của 158 chỉ tiêu thống kê, cho thấy:

+ 59/158 chỉ tiêu thống kê đã có số liệu (37,34%).

dân số và kế hoạch hóa gia đình, Khảo sát mức sống dân cư,...; 27 chỉ tiêu sẽ được thu thập từ Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia hoặc chế độ báo cáo thống kê của bộ, ngành; 08 chỉ tiêu đã được lồng ghép vào điều tra quốc gia như: Điều tra về lao động trẻ em, Điều tra về bạo lực đối với phụ nữ

Bảng 4: Số liệu



+ 26/158 chỉ tiêu có số liệu đến cấp vùng (16,45%). Đối với 05 chỉ tiêu có quy định phân tổ theo vùng thì 03 chỉ tiêu đã có số liệu đầy đủ theo từng vùng gồm: 1.1.3. Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều, 3.1.1. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi và 3.2.2. Số ca mắc lao mới trên một trăm nghìn dân. 02 chỉ tiêu hiện chưa có số liệu theo vùng gồm: 2.2.1. Tỷ lệ thiếu dinh dưỡng và 2.1.2. Tỷ lệ mất an ninh lương thực mức độ vừa và nghiêm trọng trong dân số. Việc thu thập số liệu của 2 chỉ tiêu này hoàn toàn khả thi khi được lồng ghép thu thập qua hệ thống thống kê nhà nước.

+ 33/158 chỉ tiêu đã có số liệu phân tổ đến cấp tỉnh/thành phố (20,88%).

+ 99/158 chỉ tiêu chưa có số liệu (62,66%), trong đó: 16 chỉ tiêu sẽ được thu thập từ các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia như: Điều tra lao động việc làm, Điều tra biến động

và trẻ em gái, Khảo sát mức sống dân cư,...; 18 chỉ tiêu mới quy định nguồn thu thập thông tin là điều tra thống kê nhưng chưa quy định cụ thể là cuộc điều tra nào; 23 chỉ tiêu sẽ được thu thập qua dữ liệu hành chính; 07 chỉ tiêu có kỳ công bố 5 năm, 10 năm được thu thập qua các cuộc tổng điều tra của ngành thống kê.

5. Các giải pháp nhằm thu thập đầy đủ các thông tin và số liệu của Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam

Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam đã được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT. Bộ chỉ tiêu này gồm 158 chỉ tiêu thống kê và trong đó còn gần 2/3 số chỉ tiêu chưa có số liệu. Do đó, để Bộ chỉ tiêu trở thành công cụ hữu ích cần phải thực hiện các công việc tiếp theo, cụ thể:

- Tiếp tục thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu đã có số liệu cơ sở thông qua

việc lồng ghép vào các cuộc điều tra hiện hành, chế độ báo cáo thống kê hiện hành và sử dụng dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê.

- Xây dựng, hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin gồm:

+ Xây dựng và hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê để thu thập các chỉ tiêu thống kê trong VSDGI;

+ Xây dựng và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê để thu thập các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững;

+ Nghiên cứu, biên soạn các chỉ tiêu mới theo các nguồn thông tin mới như dữ liệu lớn, dữ liệu hành chính,...

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào hoạt động thống kê từ khâu thu thập, tổng hợp đến công bố thông tin.

Kết luận

Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam là cơ sở để cung cấp những bằng chứng thực tiễn xác thực cho quá trình giám sát, đánh giá việc thực hiện 115 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Kết quả rà soát đã chỉ ra một bức tranh tổng thể về thực trạng của các chỉ tiêu này như tính sẵn có của số liệu, khả năng áp dụng, các hình thức thu thập thông tin, nguồn số

liệu,... Đây cũng là cơ sở quan trọng để lựa chọn, xác định các chỉ tiêu phát triển bền vững cho cấp vùng □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2016), Nghị định số 97/2016/NĐ-CP *Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia*, ngày 01/7/2016, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=74&mode=detail&document_id=185866
2. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 622/QĐ-TTg *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững*, ngày 10/5/2017, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=189713
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT *Quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam*, ngày 22/01/2019, <https://luatvietnam.vn/dau-tu/thong-tu-03-2019-tt-bkhd-t-bo-chi-tieu-thong-ke-phat-trien-ben-vung-cua-viet-nam-170555-d1.html>